

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐAKLAK**  
**Số 1081/QĐ-UB ngày 23/04/2001**  
**“V/v ban hành quy định thực hiện Chương trình**  
**kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAKLAK**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg, ngày 13/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính kiên cố hoá kênh mương;

- Căn cứ Nghị định 24/1999/NĐ-CP, ngày 16/4/1999 của Chính phủ ban hành quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn;

- Căn cứ Thông tư số 134/1999/TT-BNN ngày 25/9/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kiên cố hoá kênh mương;

- Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh khoá VI tại kỳ họp thứ số 15/2000/NQ-HĐ, ngày 21/7/2000 về tán thành và thông qua Chương trình kiên cố hoá kênh mương công trình thuỷ lợi tỉnh DakLak giai đoạn 2000 – 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 24/TT-NNNT, ngày 15/3/2001 Về việc ban hành quy định thực hiện Chương trình kiên cố hoá kênh mương công trình thuỷ lợi tỉnh DakLak.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này, bản quy định Về việc thực hiện Chương trình kiên cố hoá kênh mương công trình thuỷ lợi tỉnh DakLak.

**Điều 2:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAKLAK**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ.CHỦ TỊCH**  
(đã ký)  
**Lê Văn Quyết**

**QUY ĐỊNH**  
**“về việc thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi trên địa bàn**  
**tỉnh DakLak”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 1081/QĐ-UB*  
*ngày 23/04/2001 của UBND tỉnh DakLak”*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng trong quy định này bao gồm:

Vùng khan hiếm nước, các tuyến kênh nội, đất cát thâm lớn, kênh qua vùng đất xấu không ổn định, vùng có địa hình chia cắt phức tạp, công trình đầu mối là hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh đi qua vùng ven đô thị, thôn, buôn.

2. Đối tượng chưa đưa vào kiên cố kênh mương lần này:

a) Kênh tiêu và kênh tưới tiêu kết hợp.

b) Kênh tưới thuộc các hệ thống có nguồn nước tương đối bảo đảm.

**Điều 2:** Đơn vị quản lý sử dụng công trình thuỷ lợi bao gồm: Công ty khai thác công trình thuỷ lợi, tổ chức thuỷ nông cơ sở, UBND xã, hợp tác xã và các đơn vị khác có kênh mương để tưới nước (sau đây gọi là đơn vị quản lý công trình)

**Điều 3:** Khuyến khích các địa phương, các thành phần kinh tế huy động mọi nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi nhằm thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá kênh mương các công trình thuỷ lợi trong tỉnh.

**Điều 4:** Nguyên tắc thực hiện kiên cố hoá kênh mương:

1. Thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương theo phương châm ‘Nhà nước và nhân dân cùng làm’. Các nguồn vốn phải sử dụng đúng mục đích, đúng tuyến kênh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên các tuyến kênh thực hiện theo Điều 1, Quyết định số 66/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 13/6/2000 về một số chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương với thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Kênh tưới thuộc vùng khan hiếm nước.

b) Kênh tưới đắp nổi, đất bị thâm nước lớn.

c) Kênh tưới qua vùng địa chất xấu, luôn bị sạt lở, không ổn định.

d) Kênh tưới của trạm bơm, đập dâng, hồ chứa.

e) Kênh đi qua vùng ven đô thị, làng, thôn, buôn.

3. Kênh mương được phân loại theo Quyết định số 1918/2000/QĐ-UB của UBND tỉnh DakLak ban hành ngày 28/8/2000 Về việc phân loại kênh mương phục vụ chương trình kiên cố hoá kênh mương các công trình thuỷ lợi giai đoạn 2000 – 2010.

4. Bảm đảm phù hợp giữa việc kiên cố hoá kênh mương với việc quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi công cộng khác.

5. Kiên cố kênh mương gắn liền với việc củng cố công tác thuỷ nông cơ sở, chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp, phân giao, phân cấp quản lý công trình thuỷ lợi cho tổ chức, cá nhân thuộc xã, hợp tác xã, thôn, buôn (viết tắt là PIM).

## **CHƯƠNG II CƠ CHẾ HUY ĐỘNG VỐN**

### **Điều 5: Cơ chế huy động vốn**

1. Nguồn vốn đầu tư kiên cố kênh mương bao gồm:

a) Ngân sách tỉnh, huyện.

b) Của các đơn vị được giao quản lý khai thác công trình.

c) Nguồn thuỷ lợi phí.

d) Huy động của nhân dân.

e) Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

f) Vay ưu đãi và vay ngân hàng

g) Các nguồn vốn khác.

2. Đối với kênh loại I: Ngân sách Trung ương đầu tư.

3. Đối với kênh loại II: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đầu tư.

4. Đối với kênh loại III: Do đơn vị quản lý và nhân dân hưởng lợi đóng góp, vốn vay, thuỷ lợi phí và các nguồn vốn khác; ngân sách tỉnh và ngân sách huyện hỗ trợ một phần.

**Điều 6:** Mức vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối với kênh loại III.

1. Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm Sở GD-ĐT, các trường liên quan với dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chủ yếu bằng giá trị tương ứng với khối lượng xi măng, sắt, thép, công tác kỹ thuật. Riêng kênh tưới thuộc vùng đồng bào dân tộc ít người ở vùng III, ngân sách hỗ trợ hèm vốn tương ứng với một phần khối lượng vật liệu (gạch, đá, cát). Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính – Vật giá lập và trình UBND tỉnh quyết định tỷ lệ góp của ngân sách tỉnh, ngân sách huyện theo đặc thù của từng vùng trong tỉnh.

2. Tổng mức ngân sách hỗ trợ không quá tỷ lệ sau:

a) Thuộc vùng đồng bào dân tộc ít người ở vùng III:

- Kênh lấy nước từ trạm bơm điện: 50%
- Kênh tưới từ trạm bơm dầu, than: 60%
- Kênh từ hồ, đập và kênh từ các công trình khác: 40%

b) Thuộc các vùng khác:

- Kênh lấy nước từ trạm bơm điện: 30%
- Kênh tưới từ trạm bơm dầu, than: 40%
- Kênh từ hồ, đập và kênh từ các công trình khác: 20%

**Điều 7:** Đóng góp của nhân dân đối với kênh loại III.

1. Được huy động một lần cho việc hoàn thành kiên cố kênh mương. Mức huy động theo Mục 5, Phần thứ 2, Nghị quyết số 15/2000/NQ-HĐ, ngày 21/7/2000 của HĐND tỉnh khoá VI tại kỳ họp thứ về tán thành và thông qua Chương trình kiên cố hoá kênh mương công trình thuỷ lợi tỉnh DakLak giai đoạn 2000 và 2005 – 2010 (Chương trình KCHKM 2001 – 2010).

2. Toàn bộ vốn huy động được để lại cho chủ đầu tư để tổ chức thực hiện. Việc huy động sử dụng vốn huy động, việc miễn giảm cho đối tượng chính sách xã hội và phần huy động ngoài mức huy động tại Khoản 1, Điều này được thực hiện theo Nghị định 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ ban hành về quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn.

**Điều 8:** Về vốn vay ưu đãi và tín dụng đầu tư.

Giao cho Sở Tài chính – Vật giá chủ trì, phối hợp cùng các ngành hữu quan hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9:** Phân giao chủ đầu tư. Đơn vị quản lý công trình được Nhà nước, UBND tỉnh giao quản lý sử dụng phân kênh mương nào thì được phép là Chủ đầu tư dự án kiên cố phân kênh mương đó và thực hiện theo chương trình PIM của tỉnh.

**Điều 10:** Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng.

1. Đối với kênh loại III:

a) Miễn lập dự án hoặc báo cáo đầu tư, chỉ lập thiết kế kỹ thuật – dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc thi công không phải đấu thầu mà giao cho UBND các xã tự tổ chức thực hiện có sự giám sát của cộng đồng nhân dân vùng hưởng lợi. Hệ thống kênh thuộc địa phận xã nào thì xã đó xây dựng và sử dụng công nhân của chính xã đó; chỉ thuê các lực lượng thi công ngoài địa bàn xã trong trường hợp công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, thi công phức tạp mà lực lượng tại xã không đảm bảo được.

2. Đối với kênh loại I và kênh loại II: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 11:** khi thực hiện các công tác liên quan đến chi phí và giá thành xây dựng, phải áp dụng các định mức và yêu cầu sau đây:

1. Đơn giá được tính theo đơn giá thực tế tại địa phương mà không cao hơn giá khu vực theo thông báo của Liên Sở Tài chính Vật giá - Sở Xây dựng tại thời điểm thực hiện.

2. Chi phí chung nhân công lấy bằng 50% mức quy định hiện hành.

3. Chi phí khảo sát, thiết kế và lập dự toán thông qua hợp đồng kinh tế nhưng không vượt quá 2% giá trị dự toán xây lắp.

4. Chi phí giám sát kỹ thuật tính theo ngày công thực tế nhưng không vượt quá 0,5% giá trị dự toán xây lắp.

5. Không tính chi phí bảo hiểm công trình và các chi phí tư vấn khác.

6. Trong dự án đầu tư và Thiết kế kỹ thuật – dự toán, phải phân ra cụ thể các phần vốn do ngân sách tỉnh, huyện, nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác (nếu có) kèm theo các văn bản khẳng định sự tham gia vốn đầu tư.

7. Công trình áp dụng thiết kế mẫu thì chi phí thiết kế tính theo quy định của pháp luật hiện hành về giá thiết kế. Đối với vùng đã có kênh tưới đang sử dụng, không đo

đặc định đồ khu tưới mà tiến hành đo trắc dọc, ngang kênh. Khi đo kênh loại I và loại II, phải dẫn cao độ và có mốc, cọc đến đầu các tuyến kênh cấp loại III trực thuộc.

**Điều 12:** Lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán.

1. áp dụng các thiết kế mẫu và thiết kế định hình kiên cố kênh sau đây:

a) Tiêu chuẩn thiết kế hệ thống tưới TCVN 4118-85 do Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành năm 1985.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tập thiết kế mẫu các loại mặt cắt, giá thành trên một mét cửa dài của kênh phù hợp với tình hình của tỉnh.

2. Đối với kênh loại I và loại II: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Đối với kênh loại III:

a) Các chủ đầu tư được phép tự tổ chức công tác tư vấn thực hiện theo tập thiết kế mẫu, thiết kế định hình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc thuê đơn vị chuyên ngành có tư cách pháp nhân thực hiện tư vấn khảo sát thiết kế.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện thẩm định và trình UBND cấp huyện phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán các công trình kiên cố hoá kênh mương trên địa bàn huyện, thành phố.

**Điều 13:** Giám sát kỹ thuật.

1. Kênh trong hệ thống Công ty khai thác công trình thủy lợi hoặc trạm khai thác công trình quản lý: Công ty hoặc Trạm cử cán bộ kỹ thuật giám sát kỹ thuật.

2. Kênh do xã, hợp tác xã quản lý; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cử cán bộ kỹ thuật cùng với người của hợp tác xã hoặc UBND xã giám sát, thực hiện theo Điều 10, Nghị định 24/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Kênh do các đơn vị khác quản lý: Giao nhiệm vụ giám sát cho cán bộ chuyên môn thuộc đơn vị và nếu đơn vị không có cán bộ chuyên môn thì phải thuê tổ chức, cá nhân có năng lực để giám sát.

4. Tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế phải cá trách nhiệm giám sát quyền tác giả từ khi bắt đầu khảo sát đến hết thời gian bảo hành của hạng mục thực hiện. Trường hợp chủ đầu tư tự tổ chức công tác tư vấn thực hiện theo thiết kế mẫu, thiết kế định hình thì giao chức năng này cho cán bộ giám sát của chủ đầu tư.

**Điều 14:** Nghiệm thu – bàn giao, thanh quyết toán.

- Đối với kênh loại III do UBND xã, hợp tác xã, tổ chức thủy nông cơ sở làm chủ đầu tư: Thực hiện theo Điều 16, Nghị định 24/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kênh loại I, loại II và kênh do các đơn vị khác làm chủ đầu tư: ththeo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 15:** Lập kế hoạch và báo cáo.

1. Công trình do xã, hợp tác xã quản lý: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện lập kế hoạch và báo cáo UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở kế hoạch - đầu tư muộn nhất là cuối tháng 8 năm trước của năm kế hoạch.

2. Công trình do Công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý: Công ty lập và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Công trình do các đơn vị khác quản lý thì các đơn vị đó lập và gửi cho cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính – Vật giá tổng hợp đề trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và mức hỗ trợ vốn hàng năm (theo từng năm kế hoạch)

**Điều 16:** Tổ chức chỉ đạo chương trình kiên cố hoá kênh mương.

1. Ở tỉnh: Giao chức năng chỉ đạo chương trình kiên cố hoá kênh mương cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (là cơ quan thường trực), Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính – Vật giá tổng hợp và Ban chỉ đạo chương trình nhân dân tham gia quản lý công trình thủy lợi (PIM).

2. ở cấp huyện: UBND huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn diện việc kiên cố hoá kênh mương trên địa bàn; chỉ đạo việc huy động nhân dân vùng hưởng lợi đóng góp công sức, tiền của, vật tư, vật liệu để kiến cố hoá kênh mương; đồng thời với việc thành lập, hoạt động của tổ chức thủy nông cơ sở, chỉ đạo việc phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể để thực hiện tốt chương trình này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAKLAK**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ.CHỦ TỊCH**  
(đã ký)  
**Lê Văn Quyết**